ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**NGUYỄN THỊ THANH MAI**

**DẠY HỌC CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ LỚP 6 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH**

**ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN THẠC SĨ SƯ PHẠM TOÁN**

**HÀ NỘI – 2022**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

**NGUYỄN THỊ THANH MAI**

**DẠY HỌC CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ LỚP 6 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH**

**ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN THẠC SĨ SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

**CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

**BỘ MÔN TOÁN HỌC**

**Mã số:**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Hà Phi**

**HÀ NỘI – 2022**

**MỤC LỤC**

[**MỞ ĐẦU 1**](#_Toc118204740)

[**1. Lý do chọn đề tài 1**](#_Toc118204741)

[**2. Mục đích nghiên cứu 2**](#_Toc118204742)

[**3. Nhiệm vụ nghiên cứu 2**](#_Toc118204743)

[**4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3**](#_Toc118204744)

[***4.1. Khách thể nghiên cứu* 3**](#_Toc118204745)

[***4.2. Đối tượng nghiên cứu* 3**](#_Toc118204746)

[**5. Phạm vi nghiên cứu 3**](#_Toc118204747)

[***5.1. Phạm vi nội dung:* 3**](#_Toc118204748)

[***5.2. Phạm vi thời gian:* 3**](#_Toc118204749)

[***5.3. Phạm vi không gian:* 3**](#_Toc118204750)

[**6. Giá thuyết nghiên cứu 4**](#_Toc118204751)

[**7. Phương pháp nghiên cứu 4**](#_Toc118204752)

[***7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận* 4**](#_Toc118204753)

[***7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn* 4**](#_Toc118204754)

[**8. Đóng góp của luận văn 5**](#_Toc118204755)

[**9. Cấu trúc luận văn 5**](#_Toc118204756)

[**CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 6**](#_Toc118204757)

[**CHƯƠNG 2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ LỚP 6 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH 7**](#_Toc118204758)

[**CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 8**](#_Toc118204759)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO 9**](#_Toc118204760)

# MỞ ĐẦU

## **Lý do chọn đề tài**

Thế kỉ 21 là thế kỉ bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Cùng với đó, nền kinh tế tri thức đang ngày càng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chính vì thế việc đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực tư duy để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội là nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho ngành Giáo dục nước nhà.

Đảng và Nhà nước ta đã chỉ rõ quan điểm “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, đây cũng là quan điểm được giữ xuyên suốt từ Đại hội Đảng khóa VII đến nay. Trong nghị quyết hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương khóa XI cũng nêu rõ: *“Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩn chất người học”*. Điều 5 luật Giáo dục (2015) đã khẳng định: *“Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”*.

Việc đổi mới phương pháp dạy học nói riêng và đổi mới căn bản toàn diện giáo dục nói chung là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục hiện nay. Một trong những định hướng quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học là phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo, bồi dưỡng năng lực tự học, phát triển năng lực hành động, năng lực cộng tác làm việc của người học. Đó cũng là một trong những xu hướng quốc tế trong đổi mới giáo dục phổ thông.

Thực trạng hiện nay ở các trường phổ thông thì việc sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, đặc biệt là thuyết trình vẫn chiếm một vị trí chủ đạo. Điều này đã làm hạn chế việc phát huy tính tích cực, tự học và sáng tạo của học sinh trong quá trình dạy học. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học đã dẫn đến bùng nổ thông tin khoa học, kéo theo nhu cầu tự học, tự tìm hiểu để hoàn thiện bản thân của người học ngày càng cao. Do đó, việc bồi dưỡng năng lực nói chung và năng lực tự học cho học sinh nói riêng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong nhà trường phổ thông hiện nay. Chỉ có tự học, tự tìm kiếm tri thức bằng nhiều con đường, nhiều cách khác nhau mỗi học sinh mới có thể tự hoàn thiện bản thân để có thể đứng vững và phát triển trước sự phát triển nhanh chóng và không ngừng của xã hội trong thời đại kĩ thuật số. Bởi vậy mà Alvin Tofler nói rằng *“người mũ chữ của thế kỷ XXI không phải là không biết đọc, không biết viết mà là người không biết học hỏi, từ chối học hỏi và từ chối học lại”*.

Chủ đề **“Phân số”** là một chủ đề quen thuộc với học sinh lớp 6 và cũng là chủ đề xuyên suốt quan trọng trong cấp học trung học cơ sở. Với nội dung kiến thức chủ đề đơn giản, học sinh dễ tiếp cận thì việc rèn luyện cho học sinh năng lực tự học là rất thuận lợi. Hơn thế nữa, với chương trình sách giáo khoa mới thì càng dễ dàng cho việc học sinh tự tìm tòi, khám phá tri thức mới.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu: **“Dạy học chủ đề phân số lớp 6 theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh”.**

## **Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu cơ sở lý luận về năng lực tự học; đánh giá thực trạng việc rèn luyện năng lực tự học của học sinh lớp 6 thông qua chủ đề phân số; từ đó xây dựng các biện pháp dạy học nhằm giúp cho học sinh lớp 6 phát triển năng lực tự học.

## **Nhiệm vụ nghiên cứu**

* Nghiên cứu cơ sở lý luận cơ bản và liên quan đến năng lực tự học.
* Nghiên cứu về thực trạng việc rèn luyện năng lực tự học của học sinh lớp 6 và dạy học chủ đề phân số.
* Đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao, phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua các bài toán về phân số.
* Thông qua thực nghiệm sư phạm, đánh giá hiệu quả và tính khả thi của đề tài để áp dụng vào giảng dạy.

## **4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### *4.1. Khách thể nghiên cứu*

Hoạt động dạy và học môn Toán lớp 6 (chủ đề phân số).

### *4.2. Đối tượng nghiên cứu*

Biện pháp dạy học phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 6 thông qua chủ đề phân số.

## **5. Phạm vi nghiên cứu**

### *5.1. Phạm vi nội dung:*

Đề tài tập trung nghiên cứu về thực trạng việc rèn luyện năng lực tự học của học sinh lớp 6 và dạy học chủ đề phân số. Đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao, phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua các bài toán về phân số.

### *5.2. Phạm vi thời gian:*

Đề tài thực hiện khảo sát thông tin trong thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023.

### *5.3. Phạm vi không gian:*

Đề tài được nghiên cứu tại trường Trung học cơ sở Cộng Hòa, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Đây là ngôi trường nằm ở khu vực xa trung tâm huyện, học sinh chủ yếu là học sinh trên địa bàn xã và một số xã lân cận. Tuy là trường có điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế so với các trường khác trong huyện, nhưng các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy và học đều được nhà trường đầu tư đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Hiện tại trường có 468 học sinh, được chia thành 12 lớp học; trong đó có 117 học sinh khối 6. Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, tôi chỉ áp dụng đối với đối tượng học sinh lớp 6.

## **6. Giá thuyết nghiên cứu**

Nếu ta thực hiện giảng dạy chương phân số theo các bài giảng với định hướng theo hình thức dạy học nhằm phát triển năng lực tự học của học sinh thì sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh; qua đó nâng cao chất lượng dạy và học ở trường trung học cơ sở.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### *7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận*

- Nghiên cứu các tài liệu lý luận gồm có giáo dục học, triết học, tâm lý học, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán.

- Nghiên cứu chương trình từ các nguồn như sách giáo khoa, sách dành cho giáo viên, các sách tham khảo có liên quan đến nội dung phát triển năng lực tự học và chủ đề phân số.

### *7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

\* Phương pháp điều tra:

- Sử dụng phiếu hỏi để khảo sát thực trạng tự học của học sinh nói chung và tự học môn Toán nói riêng;

- Sử dụng phiếu hỏi để khảo sát ý kiến học sinh sau quá trình thực nghiệm sư phạm;

- Lấy ý kiến giáo viên và học sinh trong quá trình khảo sát thực trạng và sau khi tiến hành thực nghiệm để lấy thông tin bổ sung, làm rõ thêm vấn đề cần nghiên cứu.

\* Phương pháp quan sát sư phạm: Tiến hành quan sát một số giờ dạy của giáo viên Toán khác để lấy thông tin phục vụ cho đánh giá thực trạng và bổ sung cho kết quả nghiên cứu thực nghiệm.

\* Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Tiến hành thực nghiệm sư phạm ở lớp 6 của trường Trung học cơ sở Cộng Hòa (có đối chứng) để kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả của tiến trình tổ chức dạy học, biện pháp bồi dưỡng năng lực tự học đã xây dựng.

\* Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng phần mềm Excel để xử lý các số liệu sau khi kiểm tra như tính trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số tin cậy...

## **8. Đóng góp của luận văn**

*- Về lý luận:*

Góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của dạy học phát triển năng lực tự học.

*- Về thực tiễn:*

+ Xây dựng một số biện pháp phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp qua thông qua dạy học chủ đề phân số.

+ Vận dụng các biện pháp trên vào thực tiễn dạy học.

## **9. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm ba chương:

***Chương 1: Cơ sở lí luận và thực trạng của vấn đề nghiên cứu***

***Chương 2: Một số biện pháp dạy học chủ đề phân số lớp 6 theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh***

***Chương 3: Thực nghiệm sư phạm***

# CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

## **1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

### *1.1.1. Lịch sử nghiên cứu trên thế giới*

Trong lịch sử giáo dục trên thế giới, đã có nhiều học giả, nhà nghiên  
cứu giáo dục định nghĩa về tự học, năng lực tự học dưới nhiều góc độ khác  
nhau trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Từ những năm trước công nguyên, các nhà giáo dục lỗi lạc của Hy  
Lạp như Socrate (470 – 399 TCN), Arixtốt (384 – 322 TCN), Platon (428 –  
348 TCN) và nhiều nhà giáo dục nổi tiếng khác ở Trung Hoa như Khổng Tử  
(551 – 479 TCN), Mạnh Tử (372 – 289 TCN)… đã nhận thấy vai trò quan  
trọng của tự học, tự tu dưỡng. Trong quá trình dạy học, các ông đều hướng tới  
mục đích để giúp người học tự tìm ra chân lý. Socrate dạy học trò mình cách  
đặt câu hỏi và tự vận động suy nghĩ, ông tin rằng “cuộc sống là vô giá trị trừ  
khi bạn luôn đặt ra các câu hỏi”. Khổng Tử có nói: “Thầy giáo chỉ cho trò cáimấu chốt nhất, còn mọi vấn đề khác học trò từ đó mà tìm ra, thầy giáo khôngđược làm thay hết cho học trò” **[Lương Việt Nhi, Hoàng Thu Hà (2005), Chân dung những nhà cải cácgiáo dục tiêu biểu trên thế giới, Nhà xuất bản Tri thức].**

Socrate (470 – 399 TCN) đã đưa ra một quan niệm nổi tiếng:  
“giáo dục phải giúp cho con người khẳng định chính mình”. Trong dạy  
học, áp dụng quan điểm đó, ông cho rằng cần phải để cho người học tự  
suy nghĩ, tự tìm ra , tự nhận thấy cái sai lầm của mình và tự khắc phục cái  
sai lầm đó **[Lương Việt Nhi, Hoàng Thu Hà (2005), Chân dung những nhà cải các giáo dục tiêu biểu trên thế giới, Nhà xuất bản Tri thức].**

Cùng với dòng chảy của lịch sử và sự phát triển của kinh tế xã hội mà  
các khái niệm về năng lực tự học tiếp tục phát triển. Trong tác phẩm nổi tiếng “Phépgiảng dạy vĩ đại” (xuất bản năm 1632), J.A.Comenxki (1592-1670) khẳng định: Việc giáo dục con người cần tuân theo những đặc điểm tự nhiên vốn có của nó, những quy luật mà tự nhiên đa tạo ra cho muôn loài. Theo ông, giáo dục đúng đắn nhất là phải phù hợp với tự nhiên. Ông còn đưa ra một số nguyên tắc mà cho đến nay vẫn còn nguyên tác dụng nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh: nguyên tắc đảm bảo tính trực quan trong dạy học, nguyên tắc đi từ cái chung đến cái riêng, nguyên tắc tôn trọng đặc điểm đối tượng, và phương pháp dạy học tích cực. Ông phản đối lối dạy áp đặt, thụ động, giáo điều **[Phạm Khắc Chương (1990). *J.A.Comenxki – Nhà sư phạm lỗi lạc.* NXB Giáo dục]**. Đến thế kỷ XVIII, các nhà giáo dục như A. Distecvec, JJ. Rytxo nghiên cứu về giáo dục theo hướng phát triển trí tuệ một cách tích cực, độc lập để tự giành lấy tri thức.

Đầu thế kỉ XX, các nhà khoa học phương Tây tìm ra các phương pháp  
dạy học với mục đích khai thác “cái cá thể” dựa trên những thành tựu lý luận  
của Tâm lý học, xem con người với tư cách là “con người cá thể”.  
Trong tác phẩm Tự học như thế nào (1990), N.A.Rubankin (1862-  
1964) đã nêu ra các vấn đề về phương pháp tự học, ông còn nhấn mạnh “Việc  
giáo dục động cơ đúng đắn là điều kiện cơ bản để bạn tích cực, chủ động  
trong tự học”; “Hãy mạnh dạn tự mình đặt ra câu hỏi rồi tự mình lấy câu trả  
lời, đó là phương pháp tự học” **[Rubakin N.A (1973), Tự học như thế nào, NXB Thanh Niên, Hà Nội].**

Trong tác phẩm “Nghệ thuật và khoa học dạy học” của nhà giáo dục  
học nổi tiếng người Mĩ Robert J.Marazano, Nguyễn Hữu Châu dịch lại đề cập  
đến việc hình thành năng lực tự học cho học sinh thông qua việc trả lời các  
câu hỏi lớn trong mỗi chương. Những câu hỏi được đưa ra với mục đích hình  
thành thái độ học tập tích cực cho HS, năng lực vận dụng kiến thức và kiểm  
nghiệm các giả thuyết về kiến thức mới và làm thế nào để xây dựng bài học  
một cách hiệu quả **[Nguyễn Hữu Châu (2011), Nghệ thuật và khoa học dạy học, NXB Giáo dục].**

Từ cuối thế kỷ XX, khoa học kỹ thuật phát triển, đặc biệt là sự bùng  
nổ của cuộc cách mạng công nghệ, phần lớn các nhà giáo dục học đã nghiên  
cứu tự học theo hướng nghiên cứu áp dụng công nghệ dạy học, nhằm thay đổi  
vị trí của thầy và trò trong quá trình dạy học; và dạy học phân hóa, dạy học  
phù hợp với năng lực của người học người học để đạt hiệu quả cao trong việc  
học, dạy học lấy người học là trung tâm.

Như vậy, trên thế giới, rất nhiều nhà giáo dục, nhà khoa học đều đã  
quan tâm, đề cập và nghiên cứu từ lâu với nhiều góc nhìn và mức độ khác  
nhau, nhưng đều khẳng định vai trò to lớn của tự học, tự nghiên cứu  
trong hoạt động học tập của người học.

### *1.1.2. Lịch sử nghiên cứu tại Việt Nam*

Ở Việt Nam, trong thời kì phong kiến, nền giáo dục của đất nước ta là  
nền giáo dục Nho giáo với nhiều hạn chế. Tuy nhiên, cũng đã có rất nhiều  
tấm gương hiếu học vượt khó trong thời gian đó như Nguyễn Khuyến, Mạc  
Đĩnh Chi,... Họ đều có chung hoàn cảnh gia cảnh khó khăn, nhưng với lòng  
ham học hỏi, họ luôn tự trau dồi kiến thức qua sách vở, cuộc sống và trở  
thành những trạng nguyên nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Do đó, tự học là  
một năng lực, phẩm chất tốt đẹp, lâu đời của dân tộc ta.

Tự học chỉ thực sự trở thành phương pháp học tập được nghiên cứu và  
triển khai rộng rãi từ khi nền giáo dục cách mạng ra đời (1954). Cuộc đời và  
sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy Người là tấm gương sáng mẫu  
mực về tinh thần tự học, lấy tự học làm cốt, làm phương thức chủ yếu để nâng  
cao trình độ mọi mặt, Người quan niệm: “Tự học” là “tự động học tập”. Hồ  
Chí Minh giải thích: “Tự động là không phải dựa vào ai, là tự mình biết biến  
báo xoay xở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ,  
phong phú”, còn “Tự động học tập” có nghĩa là việc học tập do chính bản  
thân người học quyết định, người học tự giác, tự chủ không cần sự nhắc nhở,  
giao nhiệm vụ của người khác, tự mình nhận thấy nhu cầu của bản thân để rồi  
từ đó tiến hành việc tự học. Bác quan niệm “học hỏi là vô cùng” và để có một  
trình độ hiểu biết uyên thâm thì nhất định phải tiến hành tự học, thông qua đó  
sự hiểu biết của người học ngày càng được nâng cao.

Tư tưởng này của Hồ Chí Minh đã được Đảng ta vận dụng để đưa ra  
các đường lối giáo dục – đào tạo. Điều này được thể hiện trong các văn bản của Đảng , Nhà nước như nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách Giáo dục  
(11/1/1979) khẳng định: “Cần coi trọng việc bồi dưỡng hứng thú, thói quen và phương pháp tự học cho HS, hướng dẫn HS biết cách nghiên cứu SGK, thảoluận chuyên đề, ghi chép tư liệu…”. Theo luật Giáo dục 2005 điều 5, khoản 2: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duysáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năngthực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”. Chương trình giáo dục phổ thông mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngày 27/12/2018 với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh đã khẳng định năng lực tự học là một trong những năng lực cốt lõi mà học sinh phải rèn luyện và phát triển xuyên suốt tất cả các môn học.

Trung tâm nghiên cứu và phát triển tự học ở Việt Nam được thành lập  
từ tháng 5/1997 do Nguyễn Cảnh Toàn làm giám đốc. Nhiệm vụ chủ yếu của  
trung tâm là: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về tự học, ứng dụng kết  
quả nghiên cứu vào việc thiết kế quá trình dạy - tự học nhằm mục đích góp  
phần xây dựng một xã hội học tập ít tốn kém mà hiệu quả. Trung tâm đã tổ  
chức nhiều cuộc hội thảo với chủ đề tự học như: “Tự học, tự đào tạo, tư tưởngchiến lược của sự phát triển Giáo dục Việt Nam” ngày 15/1/1998, cùng nhiều  
đề tài nghiên cứu như: “Nghiên cứu và phát triển tự học” do Nguyễn Cảnh  
Toàn làm chủ nhiệm. Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn cùng một số tác giả khác đã  
xuất bản nhiều cuốn sách về vấn đề tự học như “Quá trình dạy tự học”, NXB  
Giáo dục 1996; “Học và dạy cách học”, NXB Đại học Sư phạm 2002; “Tựhọc như thế nào cho tốt”, NXB Thành phố Hồ Chí Minh năm 2009. Trong  
cuốn sách “Học và cách dạy học”, tác giả đã nêu ra cách đạt đến mục tiêu  
kiến thức là tự học (học với sách), đây là phương pháp tự học nghiên cứu tài  
liệu **[Trịnh Quốc Lập (2008), Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh ViệtNam, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ].**

Trong những năm gần đây, các tác giả Lê Khánh Bằng, Bùi Văn Nghị  
đã có những nghiên cứu về chủ đề tự học, các phương pháp hướng dẫn tự học  
cho người học, các biện pháp sư phạm của người dạy để nâng cao hiệu quả  
của quá trình dạy học,...

Qua bài báo “Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh Việt Nam”,  
tác giả Trịnh Quốc Lập cho rằng sinh viên châu Á không phải là không có  
năng lực tự học tuy nhiên hệ thống giáo dục ở các nước châu Á chưa tạo đủ  
điều kiện để sinh viên phát triển năng lực tự học. Từ nghiên cứu này, tác giả  
chứng minh rằng năng lực tự học có thể phát triển thông qua học tập tự điều  
chỉnh trong hoàn cảnh Việt Nga **[Trịnh Quốc Lập (2008), Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh ViệtNam, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ].**

Vấn đề đánh giá năng lực tự học, tác giả Phạm Thị Hồng Vinh viết về  
vấn đề “Hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá năng lực tự học theo tiếpcận năng lực thực hiện và quy trình tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên sưphạm” trên tạp chí Giáo dục số 287 năm 2012. Nguyễn Công Khanh, trong  
báo cáo hội thảo Năng lực và đánh giá kết quả giáo dục theo năng lực trongchương trình giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012, đã đề xuất  
khung năng lực chung cốt lõi ở lứa tuổi học sinh phổ thông gồm hai nhóm  
năng lực cốt lõi là: Nhóm các năng lực nhận thức và nhóm các năng lực phi  
nhận thức. Trong đó năng lực tự học nằm trong nhóm năng lực nhận thức.

Nhìn chung, các tài liệu, bài báo khoa học của nhiều tác giả đã nghiên  
cứu tổng quát về lý luận của vấn đề tự học và đưa ra một số biện pháp khác  
nhau nhằm rèn luyện năng lực tự học của người học. Tuy nhiên chưa có đề tài  
nghiên cứu đi sâu về rèn luyện năng lực tự học cho học sinh lớp 6 qua chủ đề phân số.

## **1.2. Năng lực và năng lực tự học**

### *1.2.1. Khái niệm năng lực*

Bàn về năng lực có rất nhiều quan điểm và cách hiểu khác nhau cả trên thế giới và Việt Nam.

Các quan điểm về năng lực trên thế giới:

+ Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế Thế giới (OECD) cho rằng: “Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể”. **[OECD (2002), *Definition and Selection and Selection of Competencies: Theoretical and Conceptual Foundation,* USA]**

+ Còn theo nghiên cứu của F.E.Weinert (2001): “Năng lực là những kỹ năng kỹ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ xã hội… và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt”. **[Weinert F.E (2001), *Vergleichende Leistungsmessung in Schulen – eineumstrittene Selbstverstondlichkeit,* Weinheim and Basejl: Beltz Verlag, Bản dịch tiếng Anh]**

+ Trung tâm nghiên cứu châu Âu về việc làm và lao động đưa ra một báo cáo vào năm 2005 đã chỉ rõ năng lực là tổ hợp những phẩm chất về thể chất và trí tuệ giúp ích cho việc hoàn thành một công việc với mức độ chính xác nào đó và phân tích mối quan hệ giữa các khái niệm năng lực (competence), kĩ năng (skills) và kiến thức (knowledge).

Các quan điểm về năng lực ở Việt Nam

+ Theo Từ điển Bách Khoa Việt Nam: “Năng lực là đặc điểm của cá nhân có thể thực hiện một cách thành thục, chắc chắn và có hiệu quả một hay một số dạng hoạt động nào đó”**[Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam,* tập 4, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội].**

+ Theo từ điển Tâm lý học: “Năng lực là tập hợp các tính chất hay phẩm chất của tâm lý cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định” **[Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên), Nguyễn Kỳ, Lê Khánh Bằng, Vũ Văn Tảo (2004), *Học và dạy cách học,* NXB Đại học Sư phạm Hà Nội].**

**+** Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thế giải thích khái niệm năng lực như sau: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,… thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”. **[Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Tài liệu hội thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong Chương trình giáo dục phổ thông mới*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, tháng 3 năm 2015]**

Như vậy, mặc dù khó định nghĩa năng lực một cách chính xác nhưng các nhà nghiên cứu Việt Nam và thế giới đã có cách hiểu tương tự nhau về khái niệm này.

Tóm lại, năng lực là sự kết hợp của các khả năng, phẩm chất, thái độ của một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện một nhiệm vụ có hiệu quả và được thể hiện qua hoạt động. Năng lực của học sinh là khái niệm có tính mở, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kỹ năng mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội, thể hiện ở tính chủ động của các em trong hoạt động học tập ở trường phổ thông và tình huống thực tễ trong xã hội luôn có sự biến đổi hiện nay.

### *1.2.2. Khái niệm tự học*

“Tự học là tự mình động não suy nghĩ, sử dụng năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp…) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình rồi cả động cơ, tình cảm, cá nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình” – Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn viết.**[Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Một số kinh nghiệm tự học,* NXB Giáo dục]**

Theo Từ điển Giáo dục học: “Tự học là quá trình tự mình lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kĩ năng thực hành không có sự hướng dẫn của giáo viên và sự quản lí trực tiếp của cơ sở GD – ĐT” **[Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học,* NXB Từ điển Bách khoa]**

Trong cuốn “Quá trình dạy – tự học” thì Nguyễn Kỳ cho rằng: “Tự học là quá trình tự giác, tích cực của người học để chiếm lĩnh tri thức, kinh nghiệm xã hội – lịch sử trong thực tiễn, biến tri thức của loài người thành vốn tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng, kĩ xảo của bản thân”. **[Nguyễn Kỳ, Vũ Văn Tảo, Bùi Tường (2002), *Quá trình dạy – tự học,* NXB Giáo dục]**

Còn theo Malcom Knowles, tự học được định nghĩa là: “Một quá trình mà các cá nhân chủ động, có hoặc không có sự hỗ trợ của người khác, trong việc chuẩn đoán nhu cầu học tập của họ, xây dựng mục tiêu học tập, xác định nguồn nhân lực và vật lực cho việc học tập và đánh giá kết quả học tập”. **[Malcom Knowles (2008), *Self-Directed Learning: A Guide for Learners and Teachers,* Association Press]**

Từ những quan điểm trên có thể thấy, tự học là quá trình con người tự giác, tích cực tiếp thu và chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo bằng các hoạt động trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích…) nhằm hình thành cấu trúc tâm lí mới, phát triển bản thân theo hướng hoàn thiện hơn. Tự học gắn liền với động cơ, ý chí, tình cảm… của người học, thúc đẩy người học vượt qua khó khăn trong học tập để biến kho tàng tri thức của nhân loại thành tri thức, kinh nghiệm, vốn sống của cá nhân người học.

### *1.2.2. Khái niệm năng lực tự học*

Theo Nguyễn Cảnh Toàn: “Năng lực tự học được hiểu là một thuộc tính kĩ năng rất phức hợp. Nó bao gồm kĩ năng và kĩ xảo, cần gắn bó với động cơ và thói quen tương ứng, làm cho người học có thể đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đặt ra”. **[Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên) - Nguyễn Kỳ - Vũ Văn Tảo – Bùi Tường (2001), *Quá trình dạy – tự học,* NXB Giáo dục].** Trong tài liệu khác, ông nhận định rằng: “Năng lực tự học là sự tích hợp tổng thể cách học và kỹ năng tác động đến nội dung trong hàng loạt tình huống – vấn đề khác nhau” **[Nguyễn Cảnh Toàn (2006), *Nên học Toán thế nào cho tốt,* NXB Giáo dục]**

Còn tác giả Phạm Thị Hồng Tú thì cho rằng: “Năng lực tự học là một khả năng, trong đó người học là chủ thể tự giác, tích cực, chủ động, độc lập (hoặc hợp tác) chiếm lĩnh tri thức ở một lĩnh vực nào đó trong học tập, trong cuộc sống nhằm đạt được mục đích nhất định” **[Phạm Thị Hồng Tú, Bùi Thị Minh Thu (2018), *Tạp chí Giáo dục, Số 429 (Kì 1 – 5/2018),* trang 48-52; 56]**

Như vậy, các quan điểm trên đều đưa đến kết luận rằng: Năng lực tự học là khả năng xác định các nhiệm vụ học tập một cách tự giác, tích cực; tự đặt ra các mục tiêu học tập đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng của người học; điều chỉnh những sai sót của bản thân thông qua việc tự đánh giá hoặc góp ý của thầy cô, bạn bè; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong học tập.

### *1.2.3. Cấu trúc của năng lực tự học*

Việc phân tích cấu trúc của năng lực tự học chưa được đề cập chi tiết trong các tài liệu khoa học nên đây vẫn là vấn đề mang tính mở, cần được nghiên cứu. Dựa trên các yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông **[Bộ GD&ĐT (2018), *Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông,* Số 32/2018/TT-BGDĐT]** , tôi xét năng lực tự học có những năng lực thành tố với các biểu hiện hành vi tương ứng sau:

* *Xác định mục tiêu học tập*

Học sinh cần xác định được các kiến thức, kĩ năng cần đạt, từ đó tự xây dựng cho mình mục tiêu học tập đúng đắn. Có mục tiêu học tập tốt thì học sinh sẽ tự giác say mê học tập. Điều này còn quyết định cách thức chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng cho phù hợp với trình độ tiếp thu; đồng thời đề xuất được các vấn đề trong học tập một cách khoa học, phù hợp với bản thân. Để có thể duy trì hình thức tự học lâu dài và bền vững, học sinh có thể thay đổi các hình thức tự học khác nhau như: tự học cá nhân, đôi bạn học tập, học nhóm, học với tài liệu, học với bài giảng đa phương tiện...

* *Lập và điều chỉnh kế hoạch học tập*

Học sinh phải biết cách lập kế hoạch học tập vừa sức và khả thi, hình thành được cách học riêng của bản thân. Khi lập kế hoạch, học sinh cần lên danh mục các nội dung cần tự học, bao gồm khối lượng và yêu cầu cần đạt được, sản phẩm cụ thể cần phải được tạo ra, thời gian dành cho mỗi nội dung và hoạt động. Ngoài ra, học sinh có thể đưa ra các phương án phụ, dự kiến khắc phục các trở ngại đột xuất về thời gian, ngoại cảnh, yêu cầu chung...

* *Thực hiện kế hoạch học tập*

Học sinh phải tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn các nguồn tài liệu phù hợp với việc tự học qua Interne, các trang học liệu…, đồng thời lựa chọn phương tiện và công cụ hỗ trợ phù hợp mục đích và nhiệm vụ học tập khác nhau của bản thân. Bên cạnh đó, học sinh thể hiện khả năng lựa chọn hình thức ghi chép thông tin phù hợp. Nhờ vậy giúp tri thức được lưu lại, thường xuyên được bổ sung, làm giàu tri thức cá nhân.

* *Đánh giá, điều chỉnh việc học*

Học sinh phát triển khả năng đánh giá hoạt động tự học, tự nhận biết mức độ tiếp thu của mình, biết được điểm mạnh, yếu của bản thân. Các hoạt động dạy học đòi hỏi phải tạo điều kiện, tạo cơ hội để kích thích học sinh đánh giá và tự đánh giá; giúp học sinh có thể nhìn nhận, xem xét năng lực tự học của mình.

## **1.3. Phát triển năng lực tự học**

### *1.3.1. Biểu hiện của năng lực tự học*

Xu hướng giáo dục hiện nay, lấy người học làm trung tâm, dạy học và đánh giá theo năng lực của người học thì năng lực tự học là năng lực quan trọng, cần được rèn luyện. Năng lực tự học là một khái niệm trừu tượng, liên quan đến nhiều yếu tố.

Theo nghiên cứu của Philip Candy **[*Philip Candy (1991), Self-direction for lifelong Learning: A comprehensive guide to theory and practice*]**, ông chỉ ra 12 biểu hiện của người có năng lực tự học và chia thành 2 nhóm chính: phương pháp học tập và tính cách.

* Phương pháp học tập chứa đựng các kỹ năng học tập cần phải có của người học, chủ yếu được hình thành và phát triển trong quá trình học. Các biểu hiện cụ thể bao gồm kĩ năng tìm kiếm và thu hồi thông tin; kĩ năng thực hiện các hoạt động học tập; kĩ năng xử lí thông tin và giải quyết vấn đề.
* Tính cách được hình thành và phát triển qua các hoạt động, trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống và chịu ảnh hưởng của yếu tố tâm lý. Các biểu hiện cụ thể như có tính kỉ luật, có tư duy phân tích, linh hoạt, ham hiểu biết, linh hoạt, có kỹ năng giao tiếp xã hội, sáng tạo, tích cực, có năng lực tự học.

Do đó, giáo viên cần chú ý đến phương pháp dạy và tạo môi trường học tập tốt để người học được trải nghiệm và kiểm chứng bản thân. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần đưa ra lời động viên, khích lệ để tạo động lực cho người học phát huy tinh thần tự học.

Còn theo nghiên cứu của Taylor **[*Taylor. B (1995), Self-directed Learning: Revisiting an idea most appropriare for middle school students*]** chia biểu hiện của năng lực tự học thành ba nhóm chính: thái độ, tính cách và kỹ năng. Các biểu hiện của nhóm thái độ: có trách nhiệm với việc học của bản thân, dám đối mặt với thách thức, muốn được thay đổi, muốn được học. Nhóm tính cách gồm những biểu hiện: có động cơ học tập, chủ động thể hiện kết quả học tập, độc lập, có tính kỉ luật, tự tin, hoạt động có mục đích, thích học, muốn tìm hiểu ở mức độ cao, kiên nhẫn. Còn nhóm kỹ năng thể hiện ở việc có kỹ năng thực hiện các hoạt động học tập, có kỹ năng quản lí thời gian học tập, biết lập kế hoạch học tập.

### *1.3.2. Yêu cầu cần đạt của năng lực tự học*

Chương trình giáo dục phổ thông mới chỉ rõ năng lực tự học là một trong những năng lực chung cần thiết, cốt lõi của học sinh trung học cơ sở. Những yêu cầu cần đạt của năng lực tự học ở cấp trung học cơ sở là:

- Đưa ra mục tiêu học tập đúng đắn.

- Biết xây dựng kế hoạch học tập phú hợp; lựa chọn tài liệu phong phú, đáng tin cậy; biết cách lưu trữ thông tin sáng tạo, có chọn lọc bằng các từ khóa, sơ đồ tư duy, bảng tóm tắt….

- Biết tiếp thu ý kiến từ thầy cô, bạn bè để sửa chữa những sai sót, hạn chế của bản thân.

- Biết tự rèn luyện, khắc phục những điểm yếu của bản thân để hướng tới giá trị tốt đẹp của xã hội, giúp bản thân hoàn thiện hơn.

## **1.4. Thực trạng dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh trường THCS Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội.**

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tôi tiến hành điều tra, khảo sát ở giáo viên Toán và học sinh khối lớp 6 trường THCS Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội bằng phiếu khảo sát.

* Kết quả kiểm tra bằng phiếu hỏi với 5 giáo viên Toán trường Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội.

*Bảng 1.1. Kết quả điều tra giáo viên*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các phương pháp, kĩ thuật dạy học** | **Mức độ sử dụng** | | | | | | | |
| **Thường xuyên** | | **Thỉnh thoảng** | | | **Chưa sử dụng** | | |
| **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** | | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** | | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** |
| Thuyết trình | 4 | 80% | | 1 | 20% | | 0 | 0% |
| Vấn đáp | 5 | 100% | | 0 | 0% | | 0 | 0% |
| Nêu và giải quyết vấn đề | 3 | 60% | | 2 | 40% | | 0 | 0% |
| Dạy học theo nhóm | 1 | 20% | | 3 | 60% | | 1 | 20% |
| Dạy học dự án | 0 | 0% | | 1 | 20% | | 4 | 80% |
| Kĩ thuật động não | 3 | 60% | | 2 | 40% | | 0 | 0% |
| Kĩ thuật mảnh ghép | 0 | 0% | | 1 | 20% | | 4 | 80% |
| Kĩ thuật KWL - KWLH | 0 | 0% | | 0 | 0% | | 5 | 100% |

Qua kết quả điều tra trên ta thấy, đa số giáo viên thường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống, phổ biến như phương pháp thuyết trình, vẫn đáp, kĩ thuật động não. Còn những phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học dự án, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật KWL - KWLH…giúp phát huy năng lực tự học cho học sinh thì hầu như chưa được giáo viên áp dụng. Đây có thể là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc học sinh chưa có tinh thần tự học; thiếu tính tích cực, chủ động trong học tập môn Toán nói riêng.

* Kết quả điều tra bằng bảng hỏi, lấy ý kiến của 115 học sinh lớp 6 như sau:

*Bảng 1.2. Bảng câu hỏi đánh giá năng lực tự học của học sinh*

1 – Không bao giờ; 2 – Ít khi; 3 – Thường xuyên; 4 – Luôn luôn

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các câu hỏi đánh giá năng lực**  **tự học của học sinh** | **Mức độ (%)** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| 1 | Em có bao giờ chuẩn bị bài trước ở nhà không? |  |  |  |  |
| 2 | Khi không làm được bài tập về nhà, em có mượn bài của bạn chép không? |  |  |  |  |
| 3 | Nếu gặp khó khăn khi làm bài tập về nhà em có tìm cách giải trên mạng hoặc hỏi thầy cô hoặc bạn bè không? |  |  |  |  |
| 4 | Em có tự giác làm bài tập về nhà mà không cần thầy cô, bố mẹ nhắc nhở không? |  |  |  |  |
| 5 | Em có lập thời gian biểu cho mình không? |  |  |  |  |
| 6 | Trong giờ học, khi các thầy cô giáo đưa ra câu hỏi em có suy nghĩ để trả lời không? |  |  |  |  |
| 7 | Về nhà em có tự hệ thông lại kiến thức đã học dưới dạng các từ khóa, sơ đồ tư duy…không? |  |  |  |  |
| 8 | Em có tự tìm mối liên hệ của bài học với thực tế không? |  |  |  |  |
| 9 | Em có hứng thú với các kiến thức Toán được học không? |  |  |  |  |

Từ kết quả của bảng trên, ta thấy đa số học sinh đều không tự giác chuẩn bị bài, nghiên cứu bài mới trước khi đến lớp. Các em làm bài tập chỉ làm qua loa, chép bài cho đầy đủ chứ không tự mình ôn tập, củng cố kiến thức cũ. Hầu như các em đều thấy không hứng thú với môn Toán và thấy đây là môn học khô khan, không có sự liên hệ với thực tế. Học sinh ngày càng lười biếng, học thụ động; không lập kế hoạch, mục tiêu học tập cụ thể.

Cũng vì vậy mà chất lượng học Toán tại trường THCS Cộng Hòa có kết quả thấp, cụ thể tổng kết học kì I năm học 2022 – 2023, môn Toán khối 6 có trên 50% học sinh chỉ được xếp loại Đạt.

Như vậy, tôi thấy bản thân giáo viên cần phải sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; đồng thời cần có các biện pháp hướng dẫn, giúp đỡ học sinh nâng cao năng lực tự học môn Toán. Từ đó, giúp cho chất lượng dạy học môn Toán và các môn học khác được cải thiện hơn.

## **Kết luận chương 1**

Trong nội dung chương 1, tôi đã đưa ra các nghiên cứu tổng quan về năng lực tự học. Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng năng lực tự học rất quan trọng trong giáo dục nói chung và môn Toán nói riêng. Ở nước ta, tự học trở thành phương pháp học tập phổ biến trong nền giáo dục cách mạng với tầm gương tiêu biểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghiên cứu của các nhà giáo dục trong nước hay nước ngoài đều khẳng định năng lực tự học là năng lực cốt lỗi cần được hình thành và rèn luyện trong suốt quá trình học tập. Trong đó, người học cần chủ động chiếm lĩnh tri thức và người thầy chỉ đóng vai trò hướng dẫn cho người học phương pháp tự học phù hợp, hiệu quả và khoa học.

Các nghiên cứu ở chương 1 về cơ sở lý luận đã làm rõ các khái niệm  
năng lực, năng lực tự học; cấu trúc, yêu cầu cần đạt và những biểu hiện của năng lực tự học. Ngoài ra, tôi đã chỉ rõ thực trạng dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh trường THCS Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội. Đây là cơ sở để đề xuất các biện pháp dạy học chủ đề phân số lớp 6 theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh và thực nghiệm sư phạm để kiểm tra hiệu quả của các biện pháp đó.

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ LỚP 6 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH

**2.1. Nội dung chủ đề phân số lớp 6**

**2.2. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp rèn luyện năng lực tự học cho học sinh**

***2.2.1. Đảm bảo mục tiêu dạy học chủ đề phân số***

***2.2.2. Đảm bảo tính tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh***

# 2.3. Một số biện pháp dạy học chủ đề phân số lớp 6 theo hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh

***2.3.1. Học sinh xác định mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn dưới sự hướng dẫn của giáo viên***

***2.3.2. Xây dựng phiếu bài tập về chủ đề phân số theo hướng phát hướng phát triển năng lực tự học cho học sinh***

**2.4. Hướng dẫn kỹ năng tự học cho học sinh**

***2.4.1. Lập kế hoạch tự học***

***2.4.2. Tự làm việc với các tài liệu học tập***

***2.4.3. Kết hợp nghe giảng và ghi bài trên lớp***

***2.4.4. Tự ôn tập***

**2.5. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập**

**Kết luận chương**

# CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

* 1. **Mục đích thực nghiệm**
  2. **Nhiệm vụ thực nghiệm**
  3. **Nội dung thực nghiệm**
  4. **Tổ chức thực nghiệm**
     1. ***Đối tượng thực nghiệm***
     2. ***Kế hoạch thực nghiệm***
     3. ***Tiến hành thực nghiệm***
        1. ***Giáo án thực nghiệm***
        2. ***Các bài kiểm tra đánh giá***
  5. **Đánh giá kết quả thực nghiệm**
     1. ***Đánh giá định lượng***
     2. ***Đánh giá định tính***

**Kết luận chương**

# 

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Alvin Toffer (1991), *Thăng trầm quyền lực,* NXB Thông tin Lý luận.

[2]. Nguyễn Ngọc Bảo, Trần Kiểm (2005), *Lý luận dạy học ở trường trung học cơ sở,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể, NXB Giáo dục.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, Chương trình giáo dục phổ thông môn toán, NXB Giáo dục

[5]. Nguyễn Bá Kim (2006), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[6]. Nhà xuất bản Giáo dục, *Luật Giáo dục (2005),* Hà Nội.

[7]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp* *hành Trung ương khóa XI*, Nghị quyết số 29 – NQ/TW.

[8]. Vũ Quốc Chung, Lê Hải Yến (2003), *Để tự học đạt hiệu quả,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

[9]. Đặng Thành Hưng (2012), *“Bản chất và điều kiện của việc tự học”,* Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN 0866-3662, Số 78.

[10]. Trịnh Quốc Lập (2008), *“Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh Việt Nam”,* tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859-2333, Số 10, trang 169-175.

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**Người hướng dẫn khoa học Người viết đề cương**

**TS. Hà Phi Nguyễn Thị Thanh Mai**